

TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN  
CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

Số: 377 /HT-KHKD

V/v niêm yết giá dịch vụ  
hoa tiêu hàng hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Đức, ngày 01 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Quý khách hàng.

Căn cứ Điều 29 Luật giá ngày 19/06/2023 về việc niêm yết giá;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

Kể từ ngày 01/07/2024, Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng ban hành Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (theo tập đính kèm).

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng trân trọng thông báo đến Quý khách hàng được nắm./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TCT TCSG (để b/c);
- Chủ tịch, KSV Cty (để b/c);
- Lưu: VT, KHKD. H13.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Anh Dũng**

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng
- Địa chỉ giao dịch: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp Thủ Đức, Tp. HCM, Việt Nam.
- Số điện thoại liên lạc: 0903 667 611.
- Số fax: (0248) 37423566
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: <https://tancangpilot.com.vn/>
- Email: [khkd.tcpilot@saigonnewport.com.vn](mailto:khkd.tcpilot@saigonnewport.com.vn)

Thủ Đức, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**BẢNG NIÊM YẾT GIÁ**

(Kèm theo công văn số 377/HT-KHKD ngày 01 tháng 7 năm 2024  
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng)

**1. Mức giá niêm yết (đã bao gồm thuế GTGT):**

a. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

a.1. Đối với những trường hợp đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất 8%:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (VAT=8 %)	Mức giá kê khai mới (VAT=8%)	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19. 31	Đồng/GT/HL Đồng/1 lượt dẫn tàu.	129,6 2.160.000	129,6 2.160.000	- -	- -
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19. 31	Đồng/GT/HL Đồng/1 lượt dẫn tàu.	97,2 2.160.000	97,2 2.160.000	- -	- -
3	Dịch vụ hoa tiêu tại các tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19. 31					

	- Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa		Đồng/GT/HL Đồng/1 lượt dẫn tàu	43,2 2.160.000	43,2 2.160.000	- -	- -
4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	Đồng/GT Đồng/1 lượt dẫn tàu	64,8 2.160.000	64,8 2.160.000	- -	- -
5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu: Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	Đồng/GT/HL Đồng/1 lượt dẫn tàu.	64,8 2.160.000	64,8 2.160.000	- -	- -
6	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại. - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	Đồng/GT/HL Đồng/1 lượt dẫn tàu	27,0 2.160.000	27,0 2.160.000	- -	- -
7	Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi cho tổ chức hoa tiêu + Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 1 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	Đồng/1 người/1 giờ Đồng/1 người và phương tiện/1 giờ	32.400 216.000	32.400 216.000	- -	- -
8	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được	Theo tiêu chuẩn ISO	Đồng/1 lượt dẫn tàu.	2.160.000	2.160.000	-	-

	vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của Cảng vụ hàng hải khu vực	9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31					
9	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng với tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm).	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	Đồng/1 tàu/1 lượt dẫn tàu	324.000	324.000	-	-
10	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đại diện chủ tàu thuyền đã yêu cầu, đã được cảng vụ hàng hải và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền cho tàu thuyền (theo số giờ thực tế chờ đợi).	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	Đồng/1 giờ	270.000	270.000	-	-

a.2. Đối với những trường hợp áp dụng mức thuế suất 0% thì mức giá kê khai mới tại cột (6) khoản a.1. của Bảng kê khai này sẽ bằng giá trị tại cột (6) nêu trên chia cho (1 + 0,08).

b. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

b.1. Đối với những trường hợp đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất 0%:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (VAT=0%)	Mức giá kê khai mới (VAT=0%)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	USD/GT/HL USD/1 lượt dẫn tàu.	0,012 200	0,012 200	- -	- -

2	<p>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời, di chuyển trong khu vực cảng dầu khí ngoài khơi đối với khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên.</p> <p>- Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa</p>	<p>Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31</p>	<p>USD/GT/HL USD/1 lượt dẫn tàu</p>	<p>0,008 200</p>	<p>0,008 200</p>	<p>- -</p>	<p>- -</p>
3	<p>Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)</p>	<p>Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31</p>	<p>USD/1 lượt dẫn tàu</p>	<p>40</p>	<p>40</p>	<p>-</p>	<p>-</p>
4	<p>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý.</p> <p>- Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa</p>	<p>Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31</p>	<p>USD/GT USD/1 lượt dẫn tàu</p>	<p>0,015 100</p>	<p>0,015 100</p>	<p>- -</p>	<p>- -</p>
5	<p>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với một lượt dẫn tàu thuyền chở container xuất, nhập khẩu, trung chuyển vào, rời các bến cảng trên sông Cái Mép - Thị Vải có dung tích từ 50.000GT trở lên</p> <p>- Tính theo đơn giá tối đa + Phần khoảng cách đến 10 hải lý + Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý + Phần khoảng cách trên 30 hải lý - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa</p>	<p>Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31</p>	<p>USD/GT/HL  USD/1 lượt dẫn tàu</p>	<p>0,00170 0,00110 0,00075 300</p>	<p>0,00170 0,00110 0,00075 300</p>	<p>- - - -</p>	<p>- - - -</p>
6	<p>Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người vận chuyển phải trả tiền chờ đợi cho tổ chức hoa tiêu</p> <p>+ Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 1 giờ. + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất</p>	<p>Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31</p>	<p>USD/1 người/1 giờ USD/1 người và phương tiện/1 giờ</p>	<p>10 20</p>	<p>10 20</p>	<p>- -</p>	<p>- -</p>

	phát thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trương hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ. + Hoa tiêu hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại.						
7	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng với tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm).	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	USD/1 tàu/1 lượt dẫn tàu	30	30	-	-
8	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đại diện chủ tàu thuyền đã yêu cầu, đã được cảng vụ hàng hải và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền cho tàu thuyền (theo số giờ thực tế chờ đợi).	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	USD/1 giờ	100	100	-	-
9	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu: Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) - Tính theo đơn giá tối đa - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	USD/GT/HL USD/1 lượt dẫn tàu	0,0045 300	0,0045 300	- -	- -
10	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại mục 1, 2, 3, 4, 5 khoản b.1 Điều 1 của Bảng niêm yết giá này, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Tính theo đơn giá tối đa: + Phần khoảng cách đến 10 hải lý + Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý + Phần khoảng cách trên 30 hải lý - Tính theo lượt dẫn tàu có giá tối đa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số giấy CN: HT 3753/1.19.31	USD/GT/HL USD/1 lượt dẫn tàu	0,00340 0,00220 0,00150 300	0,00340 0,00220 0,00150 300	- - - -	- - - -

77  
TINH  
HYVI  
EU  
NG  
30

<b>11</b>	<p>Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu quy định mục 10 khoản b.1 Điều 1 của Bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:</p> <p>a) Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại định mục 6 khoản b.1 Điều 1 của Bảng kê khai này;</p> <p>b) Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại định mục 6 khoản b.1 Điều 1 của Bảng kê khai này;</p> <p>c) Phần dung tích trên 160.000 GT, áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại định mục 6 khoản b.1 Điều 1 của Bảng kê khai này.</p>
-----------	---

b.2. Đối với những trường hợp áp dụng mức thuế suất 8% thì mức giá kê khai mới tại cột (6) khoản b.1. của Bảng kê khai này sẽ bằng giá trị tại cột (6) nêu trên cộng với thuế GTGT.

c. Bảng kê khai mức giá này của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng sẽ được điều chỉnh thuế GTGT để phù hợp với những nội dung được sửa đổi, thay thế hoặc điều chỉnh về thuế GTGT theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.**

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng thực hiện kê khai lại giá dịch vụ hoa tiêu để phù hợp với Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 15/5/2024 ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và theo tình hình thực tế của đơn vị. Mức giá kê khai mới tại Bảng kê khai này sau khi tách thuế GTGT vẫn nằm trong giá theo quy định tại Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 15/5/2024 ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

**3. Chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các Điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai đã bao gồm thuế GTGT (nếu có).**

Các quy định cụ thể được áp dụng theo Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 15/5/2024 ban hành Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải về Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam:

3.1 Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các két nước dẫn phân ly;

3.2 Đối với tàu thuyền chở khách, tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định;

3.3 Đối với tàu thuyền không ghi GT, được quy đổi như sau: Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

3.4 Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại thực tế.

3.5 Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người vận chuyển hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người vận chuyển phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo quy định dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và theo Điều 1 của bảng niêm yết giá này.

3.6 Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn áp dụng giá hoa tiêu bằng 110% giá tối đa theo Điều 1 của bảng niêm yết giá này.

3.7 Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai thì áp dụng giá hoa tiêu bằng 150% giá tối đa theo Điều 1 của bảng niêm yết giá này.

3.8 Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất áp dụng giá hoa tiêu bằng 110% giá tối đa theo Điều 1 của bảng niêm yết giá này.

3.9 Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng theo Điều 1 của bảng niêm yết giá này.

3.10 Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách áp dụng giá hoa tiêu bằng 70% theo Điều 1 của bảng niêm yết giá này.

3.11 Tàu thuyền vào, rời cảng để bàn giao người cứu được trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều

động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không thuộc phạm vi đối tượng thu giá hoa tiêu.

3.12 Tàu công vụ không thuộc đối tượng tính giá hoa tiêu.

3.13 Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 1 của bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 VNĐ (tương ứng với mức thuế suất GTGT là 8%) hoặc 2.200.000 VNĐ (tương ứng với mức thuế suất GTGT là 10%) đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế;

3.14 Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 1 của bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 VNĐ (tương ứng với mức thuế suất GTGT là 8%) hoặc 2.200.000 VNĐ (tương ứng với mức thuế suất GTGT là 10%) đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế;

3.15 Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 1 của bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 300 USD.

**Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.**

**Trong trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi, thực hiện theo quy định hiện hành./.**